

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **144/2017/HS-ST**
Ngày: 22-9-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội Đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Bùi Thị Thanh Thủy**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Mai Phú

Bà Huỳnh Thị Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Ngọc Hoàng Anh** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Toàn** – Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân thành phố Đà Lạt xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 144/HSST ngày 08/9/2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 116/2017/HSST-QĐ ngày 11/9/2017 đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Đức T** (tên gọi khác: Tr), sinh năm 1995; trú tại: thôn x, xã K, huyện L, tỉnh T; trình Độ học vấn: 10/12; nghề nghiệp: làm thuê; con ông: Nguyễn Đức A, sinh năm 1971 và bà Trần Thị T, sinh năm 1973, trú tại: thôn x, xã K, huyện L, tỉnh T; gia đình có 02 chị em, lớn nhất sinh năm 1993, bị cáo là con út trong gia đình; vợ, con: chưa có. Tiền án, tiền sự: không. Bị bắt ngày 12/5/2017, hiện đang tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố Đà Lạt, có mặt.

2. **Trần Đỗ Ngọc S** (tên gọi khác: Tn), sinh năm 1991; trú tại: thôn x, xã K, huyện L, tỉnh T; trình Độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: làm thuê; con ông: Trần Viết S1, sinh năm 1966 và bà Đỗ Thị Kim H, sinh năm 1968, trú tại: thôn x, xã K, huyện L, tỉnh T; gia đình có 04 anh chị em, lớn nhất sinh năm 1984, nhỏ nhất sinh năm 1996, bị cáo là con thứ 3 trong gia đình; vợ: Nguyễn Thị L, sinh năm 1993, trú tại: thôn x, xã K, huyện L, tỉnh T; con: chưa có. Tiền án, tiền sự: không; nhân thân: tại Bản án số 21/2012/HSST ngày 29/5/2012 của Tòa án nhân

dân huyện L tỉnh T xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 06 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Bị bắt ngày 12/5/2017, hiện đang tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố Đà Lạt, có mặt.

- *Người bị hại:*

1. Anh **Hồ Thanh T1**, sinh năm: 1981

Địa chỉ: 1x đường D, phường x, thành phố Đ. Vắng mặt.

2. Anh **Đỗ Nguyễn Hoài A**, sinh năm: 1988

Địa chỉ: 2x đường V, phường x, thành phố Đ. Có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh **Trương Hòa V**, sinh năm: 1985

Địa chỉ: thôn x, xã K, huyện L, tỉnh T. Vắng mặt.

2. Anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm: 1980

Địa chỉ: thôn x, xã C, huyện L, tỉnh T. Vắng mặt.

3. Anh **Nguyễn Thanh Đ**, sinh năm: 1982

Địa chỉ: thôn x, xã K, huyện L, tỉnh T. Vắng mặt.

4. Anh **Bùi Văn C**, sinh năm: 1970

Địa chỉ: 1x đường T, phường 2, thành phố Đ. Vắng mặt.

5. Anh **Trần Công Q**, sinh năm: 1990

Địa chỉ: thôn x, xã K, huyện L, tỉnh T. Vắng mặt.

6. Ông **Trần Viết S1**, sinh năm: 1966 và bà **Đỗ Thị Kim H**, sinh năm: 1968

Cùng địa chỉ: thôn x, xã K, huyện L, tỉnh T. Có mặt.

7. Ông **Nguyễn Đức A**, sinh năm: 1971 và bà **Trần Thị T**, sinh năm: 1973

Cùng địa chỉ: thôn x, xã K, huyện L, tỉnh T. Có mặt.

NHẬN THẤY:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Đức T và Trần Đỗ Ngọc S từ T lên làm thuê tại V, phường x, thành phố Đ. Để có tiền tiêu xài, T và S rủ nhau thực hiện 02 vụ trộm cắp bò tại thành phố Đ.

Lần 1: Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 28/4/2017, S dùng xe máy hiệu Halim biển số 8x chở T đi từ đường V, phường x, thành phố Đ ra khu Hòa Bình, khi đi qua lăng Nguyễn Hữu Hào trên đường Q, phường x, thành phố Đ nhìn thấy 01

con bò đi lạc, T xuống xe chạy theo đuổi bắt thì thấy 01 con bò mẹ đang cột ở cột điện nên nói với S đến khuya sẽ bắt trộm con bò mẹ. Đến 23 giờ cùng ngày, T và S quay lại thấy con bò mẹ đang bị cột nhưng không thấy con bò con, S gỡ dây cột bò mẹ dắt đi, T đi tìm bò con thì thấy 01 con bò lớn khác đang cột ở gần đó, T gỡ dây cột và dắt con bò này ra đường nhựa. Sau đó, cả hai thuê xe với giá 2.500.000đ để chở bò về thôn x, xã K, huyện L, tỉnh T. Sáng ngày 30/4/2017, T và S đến vườn nhà anh Trần Công Q gửi bò và nói bò của chủ nhờ bán. Sau đó, S gọi cho anh Nguyễn Thanh Đ nhờ bán bò, anh Đ hỏi bò ở đâu thì S nói bò của chủ vườn trên thành phố Đ nhờ bán, lúc sau anh Đ dẫn anh Trương Hòa V đến mua 02 con bò với giá 15.000.000đ. Số tiền này T và S đã tiêu xài cá nhân hết.

Tại kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Đà Lạt xác định 02 con bò lông màu vàng (loại bò thịt) trị giá 42.000.000đ.

Bị hại anh Hồ Thanh T1 bị chiếm đoạt 02 con bò lông màu vàng (loại bò thịt). Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Lạt thu giữ và trả lại cho anh T1, anh T1 không có yêu cầu gì thêm; Anh Trương Hòa V là người mua 02 con bò này với giá 15.000.000đ, khi mua không biết là tài sản do trộm cắp mà có. Sau khi cơ quan điều tra thu giữ 02 con bò trên, gia đình các bị cáo đã hoàn trả cho anh V 15.000.000đ, anh V không có yêu cầu gì thêm.

Lần 2: Ngày 08/5/2017, T và S nhìn thấy anh Đỗ Nguyễn Hoài A dắt 03 con bò về chuồng ở gần thác Cam ly, phường x, thành phố Đ, các bị cáo T và S quan sát vị trí chuồng bò và nói với nhau đến khuya sẽ đến bắt trộm bò. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày cả hai đi xe máy hiệu Halim biển số 8x đến chuồng bò nhà anh A, T gỡ dây cột của con bò cái, dắt ra đưa cho S rồi vào gỡ tiếp dây cột 01 con bò khác dắt đi, lúc này có 01 con bò con (bê) đi theo con bò cái mà T dắt. Cả hai dắt bò đi về phía xã N khoảng 1km thì cột bò lại giấu cách đường khoảng 70m rồi trở về chòi ngủ. Sáng ngày 09/5/2017, T và S thuê anh Bùi Văn C lái xe ô tô hiệu KIA biển số 4x chở bò về huyện BL với giá 2.000.000đ, anh C không biết 03 con bò trên do trộm cắp mà có nên đồng ý chở. Khi đến huyện BL, S và T tiếp tục thuê anh C chở bò về tỉnh T với giá 1.000.000đ. Sáng ngày 10/5/2017, S gọi điện cho anh Đ nhờ bán bò, anh Đ có hỏi bò của ai thì S nói bò của chủ vườn trên thành phố Đ nhờ bán, anh Đ dẫn anh Nguyễn Văn H đến mua

03 con bò với giá 23.800.000đ, anh Đ đưa lại cho S và T 20.500.000đ và giữ lại 3.300.000đ tiền môi giới.

Tại kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Đà Lạt kết luận 03 con bò lông vàng đỏ trị giá 25.900.000đ.

Bị hại anh Đỗ Nguyễn Hoài A bị mất 03 con bò lông màu vàng đỏ (loại bò thịt). Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Lạt đã trả lại cho anh A, anh A không có yêu cầu gì thêm. Anh Nguyễn Văn H là người mua 03 con bò lông màu vàng (loại bò thịt) với giá 23.800.000đ, tuy nhiên, anh không biết số bò này là tài sản do trộm cắp mà có. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Lạt thu giữ của Nguyễn Đức T 8.500.000đ, Trần Đỗ Ngọc S 10.800.000đ, Nguyễn Thanh Đ 3.300.000đ và đã trả lại cho anh H số tiền 22.600.000đ, gia đình các bị cáo đã trả 1.200.000đ còn lại, anh H không có yêu cầu gì thêm.

Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Lạt còn thu giữ 01 xe ô tô hiệu KIA biển số 4x; 01 điện thoại NOKIA X2 màu đen; 01 xe máy hiệu HaLim biển số 8x. Hiện nay, cơ quan điều tra đã trả lại 01 xe ô tô, 01 điện thoại cho anh Bùi Văn C; xe máy HaLim biển số 8x qua điều tra xác minh là của ông Trần Viết S1 là bố của bị cáo Trần Đỗ Ngọc S cho S mượn để làm phương tiện đi lại nên đã trả lại cho ông S1.

Tại Bản cáo trạng số 152/CT-VKS ngày 08/9/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt truy tố các bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm e khoản 2 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, bị cáo S khai nhận vào các ngày 28/4/2017 và ngày 08/5/2017, bị cáo và T trộm cắp 5 con bò đưa về T để bán lấy tiền tiêu xài. Bị cáo đồng ý với kết quả định giá của Hội đồng định giá xác định giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 67.900.000đ.

Bị cáo T thừa nhận lời khai của bị cáo S là đúng. Bị cáo đã cùng S trộm bò của anh Hồ Thanh T1 và anh Đỗ Nguyễn Hoài A, sau đó đem bán được tổng số tiền 35.500.000đ, các bị cáo cùng nhau tiêu xài số tiền này.

Bị hại anh Đỗ Nguyễn Hoài A xác nhận lời khai của các bị cáo là đúng, số tài sản bị chiếm đoạt đã được cơ quan Công an điều tra trả lại nên không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho

các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt giữ nguyên cáo trạng truy tố các bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa Đổi, bổ sung năm 2009. Xử phạt: Các bị cáo Trần Đỗ Ngọc S, Nguyễn Đức T mỗi bị cáo từ 36 tháng Đến 42 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự: cơ quan điều tra đã trả lại tài sản bị chiếm đoạt cho bị hại, bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên không đề cập.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác

XÉT THẤY:

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, biên bản xác định hiện trường, biên bản tạm giữ tang vật, vật chứng và các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ.

Đánh giá tính chất, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội thể hiện ở chỗ: Các bị cáo là thanh niên có sức khỏe, muốn có tiền tiêu xài cá nhân nhưng lười lao động, đã lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của chủ sở hữu nên khuya ngày 28/4/2017, bị cáo S và T đã lén lút trộm cắp 02 con bò tại lãng Nguyễn Hữu Hào trên đường Q, phường x, thành phố Đ trị giá 42.000.000đ của anh Hồ Thanh T1 rồi thuê xe chở xuống tỉnh T bán cho anh Trương Hòa V; chưa dừng lại tại đây, khuya ngày 08/5/2017, S và T tiếp tục trộm cắp 03 con bò tại chuồng ở gần thác Cam ly, phường x, thành phố Đ trị giá 25.900.00đ của anh Đỗ Nguyễn Hoài A đưa xuống tỉnh T bán cho anh Nguyễn Văn H. Theo kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản xác định tổng giá trị tài sản trộm cắp là 67.900.000đ. Rõ ràng, các bị cáo thể hiện sự táo bạo, xem thường pháp luật, chỉ trong thời gian ngắn liên tiếp thực hiện 02 lần trộm cắp tài sản trên địa bàn phường x, thành phố Đ, hành vi đó đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản hợp pháp của chủ sở hữu được pháp luật bảo vệ, gây nghi kỵ lẫn nhau trong nội bộ quần chúng nhân dân, ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Tài sản

các bị cáo trộm cắp có giá trị trên 50.000.000đ. Vì vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt truy tố Trần Đỗ Ngọc S và Nguyễn Đức T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm e khoản 2 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Trong vụ án này có hai bị cáo tham gia, nhưng khi thực hiện hành vi thể hiện không có sự cấu kết chặt chẽ, không có sự phân công, bàn bạc thống nhất từ trước nên chỉ là đồng phạm giản đơn.

Xét vai trò của các bị cáo thì thấy, bị cáo T là người khởi xướng, rủ rê S cùng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là 05 con bò của anh T1 và anh A bán lấy tiền tiêu xài. Bị cáo S là người có nhân thân xấu, tại Bản án số 21/2012/HSST ngày 29/5/2012 của Tòa án nhân dân huyện L tỉnh T xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 06 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” nhưng không lấy đó làm bài học cho bản thân mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Cả hai bị cáo đều có ý thức chiếm đoạt tài sản, cùng trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và cùng thuê xe chở bò đi bán, khi thực hiện đều tỏ ra tích cực, mục đích trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài, việc bị phát hiện là ngoài sự mong muốn của các bị cáo mà thôi. Vì vậy, mức án giành cho các bị cáo là ngang nhau.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, các bị cáo tác động gia đình bồi thường, khắc phục hậu quả cho anh V, anh H là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người bị hại là anh A xin giảm nhẹ hình phạt nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009. Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử nhận thấy, cần tiếp tục cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian như ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, như vậy mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa đối với loại tội phạm này.

Đối với lần trộm cắp 02 con bò của anh Hồ Thanh T1. Sau đó, các bị cáo thuê một người đàn ông không rõ họ tên, địa chỉ ở đâu chở bò đến bán cho anh Trương Hòa V. Đến nay, cơ quan điều tra chưa xác định được họ tên, lai lịch

người đàn ông này, khi nào làm rõ sẽ xem xét xử lý sau.

Đối với anh Nguyễn Thanh Đ người môi giới bán bò, anh Trương Hòa V, anh Nguyễn Văn H là người mua bò, anh Trần Công Q là người cho S và T gửi bò tại vườn, anh Bùi Văn C là người chở bò vào ngày 09/5/2017. Qua điều tra, các anh Đ, V, H, Q, C không biết số bò này do S và T trộm cắp mà có nên không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với những người này là có căn cứ.

Về vật chứng và trách nhiệm dân sự:

Đối với 02 con bò các bị cáo trộm cắp của anh Hồ Thanh T1. Sau đó đem bán cho anh Trương Hòa V được 15.000.000đ. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Lạt đã thu giữ và trả lại cho anh T1. Số tiền 15.000.000đ trên gia đình các bị cáo đã hoàn trả cho anh V. Đến nay, anh T1 và anh V không có yêu cầu gì nên không đề cập.

Đối với 03 con bò các bị cáo trộm cắp của anh Đỗ Nguyễn Hoài A. Sau đó, nhờ anh Nguyễn Thanh Đ bán 03 con bò này cho anh Nguyễn Văn H được 23.800.000đ, anh Đ đưa cho các bị cáo 20.500.000đ và giữ lại 3.300.000đ. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Lạt đã thu giữ và trả lại 03 con bò này cho anh A, Đến nay anh A không có yêu cầu gì thêm nên không đề cập. Ngoài ra, cơ quan cảnh sát điều tra thu giữ của bị cáo T 8.500.000đ, bị cáo S 10.800.000đ, của anh Đ 3.300.000đ và đã trả số tiền này cho anh H tổng cộng 22.600.000đ, đối với số tiền 1.200.000đ còn thiếu của anh H sau đó gia đình các bị cáo đã hoàn trả, Đến nay anh H không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

Về số tiền gia đình các bị cáo bỏ ra để hoàn trả cho anh V là 15.000.000đ, anh H là 1.200.000đ. Vợ chồng ông Trần Viết S1, bà Đỗ Nguyễn Kim H (bố mẹ bị cáo S) và vợ chồng ông Nguyễn Đức A, bà Trần Thị T (bố mẹ bị cáo T) không yêu cầu các bị cáo phải hoàn trả nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Trường hợp sau này có tranh chấp sẽ xem xét giải quyết bằng vụ án dân sự khi có yêu cầu.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Lạt thu giữ 01 xe mô tô biển số 4x, 01 Điện thoại di động hiệu Nokia X2 màu đen của anh Bùi Văn C, do khi được các bị cáo thuê chở bò, anh C không biết các bị cáo trộm cắp mà có nên cơ quan điều tra đã trả lại xe mô tô và điện thoại cho anh C; Thu giữ 01 xe

máy hiệu Halim biển số 8x của bị cáo S. Tuy nhiên, xe mô tô này là của ông Trần Viết S1 (bố bị cáo S) cho S mượn để làm phương tiện đi lại, ông S1 không biết S sử dụng vào việc phạm tội nên cơ quan điều tra đã trả lại cho ông S1. Do vậy, Hội Đồng xét xử cũng không đề cập.

Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Đức T (Tr), Trần Đỗ Ngọc S (Tn) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đức T 36 (Ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt 12/5/2017.

Xử phạt: Bị cáo Trần Đỗ Ngọc S 36 (Ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt 12/5/2017.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 98, 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc Trần Đỗ Ngọc S, Nguyễn Đức T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng anh T1, anh V, anh H, anh Đ, anh C, anh Q được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tp. Đ Lạt;
- Chi cục THADS tp. Đ Lạt;
- Sở tư pháp tỉnh Lâm Đồng;
- Công an tp. Đ Lạt
- Bị cáo
- Bị hại, người có QLVNQLQ
- Lưu AV - HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Thị Thanh Thủy